ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2591/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 18 tháng 07 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – huyện Hoài Ân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1325/STNMT-CCBVMT ngày 25/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – huyện Hoài Ân;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – huyện Hoài Ân của UBND huyện Hoài Ân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 680/UBND-BQL ngày 01/7/2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 843/TTr-STNMT ngày 16/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ân Thạnh và xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hoài Ân;
- UBND các xã: Ân Thạnh, Ân Đức;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG TẠI XÃ ÂN THẠNH, ÂN ĐỨC - HUYỆN HOÀI ÂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân.

- Địa điểm thực hiện: xã Ân Thạnh và xã Ân Đức, huyện Hoài Ân.

- Chủ dự án: UBND huyện Hoài Ân.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án cấp nước sạch đạt QCĐP 01:2022/BĐ cho 4.264 hộ gia đình, với khoảng 12.691 người (xã Ân Đức: 2.805 hộ với khoảng 7.548 người; xã Ân Thạnh: 1.459 hộ gia đình với khoảng 5.143 người); các cơ quan, đoàn thể, trạm y tế, các trường học và các công trình công cộng khác trong vùng dự án.

- Quy mô, công suất: Diện tích đất 9.381,7 m^2; Khu xử lý nước cấp công suất Q = 2.000 m^3/ngày.đêm; tuyến ống nước thô L = 748 m, tuyến ống truyền tải phân phối nước L = 64.510 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a) Hạng mục công trình chính

- Xây dựng giếng khoan và trạm bơm giếng với tổng công suất khai thác 2.000 m^3/ngày đêm: gồm 06 giếng (03 giếng có công suất là 15 m^3/giờ; 3 giếng có công suất 19 m^3/giờ) và 06 trạm bơm giếng.

- Xây dựng mới khu xử lý nước cấp công suất 2.000 m^3/ngày đêm, diện tích 9.381,7 m^2.

- Tuyến ống nước sạch HDPE đường kính DN(280-63)mm, L = 64.510 m cấp nước 02 xã (Ân Thạnh và Ân Đức, huyện Hoài Ân).

b) Hạng mục công trình liên quan đến Dự án

- Nguồn cấp nước thô: Khai thác từ 06 giếng khoan nằm dọc theo 2 bên bờ sông Kim Sơn, thượng lưu cầu Đồng Tròn, thuộc thôn Ân Thường 1, xã Ân Thạnh và thôn Gia Trị, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân.

- Nguồn cấp điện: Đấu nối từ tuyến điện 22kV hiện hữu phía Tây Bắc cách cận khu xử lý nước khoảng 320 m. Xây dựng 01 trạm biến áp 160kVA-22/0,4kV để cấp điện sinh hoạt, sản xuất và chiếu sáng.

1.3.2. Các hoạt động của dự án: Đào đắp, san lấp; vận chuyển, tập kết vật liệu; thi công trạm bơm nước thô, khu xử lý nước và tuyến ống truyền tải, phân phối, lắp đặt đồng hồ nước; hoạt động xử lý cấp nước sạch.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng tại khu khai thác nước thô, thi công tuyến đường ống đưa nước từ 06 giếng khai thác nước thô về Khu xử lý nước, tuyến đường ống cấp nước: phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc theo tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Hoạt động xử lý cấp nước sạch phát sinh nước thải rửa lọc, nước xả cặn, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn, bùn thải.... trong giai đoạn vận hành.

- Tác động không liên quan đến chất thải ảnh hưởng đến người dân trên tuyến đường vận chuyển, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị của khu xử lý nước cấp ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m^3/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,…

+ Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 1,5 m^3/ngày. Thành phần chứa cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

+ Nước vệ sinh đường ống sau khi thi công, chỉ 01 lần với lưu lượng khoảng 100 m^3, thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,43 m^3/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh …

+ Nước thải sản xuất của Khu xử lý nước bao gồm: nước thải rửa lọc 216 m^3/ngày (1 lần/ngày), nước súc rửa đường ống 100 m^3/tháng, nước vệ sinh bể lắng 76 m^3/ngày (6 tháng/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, Clo dư (khoảng 0,2-0,5 mg/m^3).

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO_2, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khối lượng khoảng 8,2 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, từ hoạt động thi công các hạng mục công trình, phát sinh khối lượng khoảng 5,4 - 8,9 kg/ngày. Đất bóc phong hóa phát sinh với khối lượng 365,1 m^3.

- Giai đoạn hoạt động dự án:

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước khoảng 43,88 kg/ngày.

+ Bao bì đựng hóa chất khoảng 10 kg/tháng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 30kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải,...

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của dự án phát sinh với lượng khoảng 26 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, bao bì đựng hóa chất,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng lân cận và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển trong suốt quá trình thi công.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: Sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ nước, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động tại lán trại vị trí thi công.

+ Nước thải xây dựng: Sử dụng lượng nước vừa đủ khi bảo dưỡng bê tông, tưới ẩm vật liệu, rửa dụng cụ; lượng nước thừa gom về hố thu tạm để lắng bùn, nước trong được bơm tuần toàn tái sử dụng triệt để.

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa được gom vào các rãnh dẫn dòng thu về các hố tạm bố trí bên trong công trường để lắng bùn cát, rác...

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn cải tiến, định kỳ thuê đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải rửa lọc, nước vệ sinh bể lắng sẽ đưa về bể thu hồi nước rửa lọc, phần cặn bùn được bơm đến sân phơi bùn để tách bùn, nước trong bơm để tiếp tục tuần hoàn, không thải ra môi trường.

+ Nước súc xả đường ống: Thông qua các van xả cặn (khoảng 23 van) tại các vị trí phù hợp. Đây là nước có cặn bẩn trong đường ống bị bong tróc và lượng Clo dư (0,2-0,5 mg/m^3) bị pha loãng và không gây hại cho môi trường sống.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Ban hành nội quy và dán tại công trường để công nhân biết và thực hiện.

+ Các hạng mục xây dựng nhỏ và không tập trung, Chủ đầu tư sử dụng máy trộn bê tông dung tích nhỏ tại công trường. Phun nước tưới ẩm vào những ngày thời tiết khô hanh để hạn chế phát tán bụi và giảm thiểu bức xạ nhiệt tại công trường.

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các kho chứa chất thải, khu tập kết rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh tại Khu xử lý nước để tránh mùi hôi thối phát sinh, gây ảnh hưởng đến công nhân đang thi công xây dựng.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Quá trình hoạt động xử lý cấp nước chỉ sử dụng động cơ điện nên không phát sinh khí thải từ nhiên liệu hóa thạch.

+ Bảo quản hóa chất tại phòng hóa chất theo quy định. Thường xuyên kiểm tra an toàn và rò rỉ hóa chất. Sử dụng các bình chứa Clo phải được kiểm định an toàn.

+ Công nhân vận hành phải được đào tạo, có kỹ năng thuần thục và bảo

hộ an toàn phòng chống độc trước khi vào nhà hóa chất.

+ Chăm sóc và trồng cây xanh trong khuôn viên Khu xử lý nước đảm bảo diện tích 3.074,52 m^2.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại lưu chứa vào các thùng đựng rác (120-240lít) có nắp đậy, định kỳ thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước sẽ được phơi khô ở sân phơi bùn, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

+ Các loại chất thải này được thu gom hàng ngày, lưu giữ vào thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín nhằm tránh tác dụng của yếu tố môi trường ngoài và có ký hiệu nhận biết chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải nguy hại tại Khu xử lý nước được phân loại, thu gom, lưu chứa trong các thùng riêng và dán nhãn nhận biết theo quy định.

+ Xây dựng 01 nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 12 m^2 ở khu vực phía Nam trong Khu xử lý nước.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ Lưu trữ toàn bộ chứng từ liên quan đến quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Đồng thời, theo định kỳ, báo cáo với Sở Tài nguyên và môi trường để được theo dõi, giám sát và hướng dẫn theo đúng quy định.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dẫn xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại Khu xử lý nước.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị bơm nước tại Khu xử lý nước.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xây dựng Khu xử xử lý nước cấp của dự án thuộc xã Ân Thạnh; tọa độ: X(m) = 1.590.772; Y(m) = 575.055 (theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến trục $108^0$15').

- Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện việc giám sát chất thải rắn sinh hoạt, thông thường và chất thải nguy hại thường xuyên khi có phát sinh lượng chất thải.

- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Thực hiện giám sát trên toàn khu vực dự án.

5.2. Giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát chất lượng nước ngầm

- Vị trí giám sát: 06 giếng khai thác nước dưới đất cấp cho dự án.

- Tọa độ: theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến trục $108^0$15':

+ Giếng G1: X(m) = 1.590.639,86; Y(m) = 575.103,67;

+ Giếng G2: X(m) = 1.590.697,13; Y(m) = 575.100,76;

+ Giếng G3: X(m) = 1.590.584,53; Y(m) = 575.024,47;

+ Giếng G4: X(m) = 1.590.574,68; Y(m) = 575.234,25;

+ Giếng G5: X(m) = 1.590.509,12; Y(m) = 575.200,03;

+ Giếng G6: X(m) = 1.590.441,34; Y(m) = 575.189,78.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, Tổng Coliform, Nitrate, Amoni, Chỉ số permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng, Arsenic (As), Mangan (Mn), Sắt (Fe), E.Coli.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện việc giám sát chất thải rắn sinh hoạt, thông thường và chất thải nguy hại thường xuyên khi có phát sinh lượng chất thải.

- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Thực hiện giám sát trên toàn khu vực dự án.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ dự án, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.